

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ - ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Bùi Văn Tám.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX - ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu 11 phố L, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Tạ Ngọc B, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 11 phố L, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Ngọc B ngày 20 tháng 7 năm 1996. Có được tình hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu và chung ở cùng gia đình anh B khoảng 06 tháng thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa

thuận hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2007 chị phát hiện anh B chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không thay đổi, vẫn thường xuyên chơi cờ bạc làm cho kinh tế ngày càng xa sút lâm vào cảnh nợ nần, không có khả năng trả nợ, từ đó dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Anh B không quan tâm đến việc làm ăn trong gia đình mà chủ yếu đi theo hội cờ bạc, mọi việc trong gia đình đều do chị làm và lo toan. Năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn đối với anh B sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh B cũng không thay đổi. Đến nay mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Gia đình hai bên có dàn xếp nhưng chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Tạ Thị Diệu L, sinh ngày 16/3/1997; Tạ Thị Khánh M, sinh ngày 06/9/2000 và Tạ Ngọc D, sinh ngày 04/10/2005, hiện nay cả ba con đang ở cùng chị. Ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi cháu D, còn cháu L và cháu M đã đủ 18 tuổi chị không đề nghị gì, ở với ai là quyền các cháu, hiện nay chị vẫn lo chu cấp tiền hai cháu ăn học. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu D.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Ngọc B, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018, ông Tạ Nguyên Q là anh trai anh Tạ Ngọc B trình bày: Năm 1996 chị H kết hôn với anh B, sau khi kết hôn thì vợ chồng ở chung cùng mẹ ông đến khoảng năm 1997 thì gia đình ông mua đất và làm nhà cho vợ chồng ra làm ăn riêng. Vợ chồng hòa thuận được khoảng 16 năm, gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông mâu thuẫn là do anh B không chăm chỉ làm ăn, hay chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Nhiều lần ông chứng kiến việc có người đến nhà đòi nợ. Chị H đã nhiều lần trả nợ thay anh B. Có lần chị H còn nhờ ông đứng ra trả nợ thay cho anh B. Do nợ nần nhiều nên hiện nay anh B đã bỏ nhà đi làm ăn xa còn cụ thể anh đi làm ăn ở đâu ông không rõ. Những lần Tòa án báo gọi anh B đến Tòa làm việc về việc chị H xin ly hôn anh B thì chị H có nói cho ông biết việc chị đang xin ly hôn anh B. Khi đó anh B đang ở tại nhà ông, ông Q khẳng định anh B có biết việc chị H xin ly hôn nhưng do nợ nần nên anh B không dám đến Tòa để trình bày. Hiện nay anh B đã đi làm ăn xa nhưng theo ông thực ra là anh B đi trốn nợ, không dám về nhà. Việc đoàn

tụ là khó khăn vì anh B quá lao sâu vào con đường lô đề, nên nợ nần nhiều. Về con chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng, hiện nay cả ba cháu đang ở cùng chị H, hai cháu lớn đi học đại học còn cháu nhỏ đang ở cùng chị H. Anh B nhiều năm nay không có trách nhiệm với gia đình. Ông nhận giấy triệu tập của Tòa án báo gọi anh B đến Tòa làm việc vào ngày 29/8/2018 và cam đoan sẽ thông báo cho anh B để anh biết và đến Tòa án làm việc. Hiện nay ông và anh B thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, ông có hỏi và yêu cầu anh B cung cấp địa chỉ nhưng anh không cung cấp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu D cho đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Tạ Ngọc B các đương sự đều có địa chỉ tại phố L, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Tạ Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Ngọc B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn chị H và anh B có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2007 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không chịu khó làm ăn, ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, chị và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không sửa chữa, năm 2016 chị H đã làm đơn xin ly hôn sau đó chị rút đơn để cho anh có cơ hội sửa chữa nhưng anh B không lấy đó làm bài học vẫn tiếp tục lao vào con đường cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều.

Mâu thuẫn đỉnh điểm tháng 01/2018, nhiều chủ nợ đến đòi nợ, không có tiền trả nên anh B phải trốn, khi thì ở nhà ông Q là anh trai anh, khi ở chỗ khác. Anh B không có trách nhiệm gì với gia đình vợ con. Xác minh tại địa phương xã N cho biết anh B là đối tượng hay chơi cờ bạc nợ nần nhiều đối tượng đến đòi nợ, dẫn đến kinh tế gia đình xa sút. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Xét yêu cầu xin nuôi cháu D của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu D đang ở cùng chị H, anh B không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị H cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh B không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi nào anh B về các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Tạ Ngọc B.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Ngọc D, sinh ngày 04/10/2005 cho đến khi thành niên. Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2017/ 0000398 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã N (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh